

Số: 3392 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 20 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ người lao động ngừng việc của Công ty cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế, Công ty Hữu hạn Điện cơ Lục Nhân, Công ty TNHH Hirata Precision Industrial Việt Nam, Công ty TNHH Dongyang Vina Special Metal, Công ty TNHH Poong Young Vina do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Căn cứ Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Căn cứ Kế hoạch số 8015/KH-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của UBND huyện Trảng Bom tại Tờ trình số 184/TTr-UBND, Tờ trình số 185/TTr-UBND, Tờ trình số 186/TTr-UBND, Tờ trình số 189/TTr-UBND và Tờ trình số 190/TTr-UBND ngày 13 tháng 9 năm 2021; ý kiến của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 537/TTr-LĐTBXH ngày 16 tháng 9 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ người lao động ngừng việc của Công ty cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế, Công ty Hữu hạn Điện cơ Lục Nhân, Công ty TNHH Hirata Precision Industrial Việt Nam, Công ty TNHH Dongyang Vina Special Metal, Công ty TNHH Poong Young Vina do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ, như sau:

1. Người lao động ngừng việc của Công ty cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế gồm 07 người lao động ngừng việc từ 14 ngày trở lên với kinh phí hỗ trợ là 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng chẵn).

2. Người lao động ngừng việc của Công ty Hữu hạn Điện cơ Lục Nhân gồm 84 người lao động ngừng việc từ 14 ngày trở lên với kinh phí hỗ trợ là 84.000.000 đồng, trong đó có 02 người lao động đang mang thai với kinh phí hỗ trợ là 2.000.000 đồng và 36 người lao động đang nuôi con dưới 06 tuổi (46 trẻ em) với kinh phí hỗ trợ là 46.000.000 đồng. Tổng kinh phí hỗ trợ là 132.000.000 đồng (một trăm ba mươi hai triệu đồng chẵn).

3. Người lao động ngừng việc của Công ty TNHH Hirata Precision Industrial Việt Nam gồm 01 người lao động ngừng việc từ 14 ngày trở lên với kinh phí hỗ trợ là 1.000.000 đồng và đang nuôi con dưới 06 tuổi (01 trẻ em) với kinh phí hỗ trợ là 1.000.000 đồng. Tổng kinh phí hỗ trợ là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng chẵn).

4. Người lao động ngừng việc của Công ty TNHH Dongyang Vina Special Metal gồm 42 người lao động ngừng việc từ 14 ngày trở lên với kinh phí hỗ trợ là 42.000.000 đồng, trong đó có 03 người lao động đang nuôi con dưới 06 tuổi (04 trẻ em) với kinh phí hỗ trợ là 4.000.000 đồng. Tổng kinh phí hỗ trợ là 46.000.000 đồng (bốn mươi sáu triệu đồng chẵn).

5. Người lao động ngừng việc của Công ty TNHH Poong Young Vina gồm 53 người lao động ngừng việc từ 14 ngày trở lên với kinh phí hỗ trợ là 53.000.000 đồng, trong đó có 20 người lao động đang nuôi con dưới 06 tuổi (27 trẻ em) với kinh phí hỗ trợ là 27.000.000 đồng. Tổng kinh phí hỗ trợ là 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng chẵn).

(Danh sách đính kèm theo Quyết định).

Nguồn kinh phí hỗ trợ người lao động được sử dụng từ nguồn ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Nghị quyết số 68/NQ-CP và các nguồn huy động hợp pháp khác.

Điều 2. Tổ chức thực hiện



Giao UBND huyện Trảng Bom chỉ đạo các đơn vị liên quan khẩn trương chi trả kịp thời, đúng đối tượng; kiểm tra, rà soát đảm bảo việc chi trả đúng đối tượng, minh bạch, công khai, chống trùn.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Trảng Bom và các cá nhân tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Chánh, các PCVP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, KTNS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Sơn Hùng



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỒ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC DO ĐẠI DỊCH COVID-19 CỦA
CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NÔNG NGHIỆP QUỐC TẾ

(Đính kèm theo Quyết định số 3392/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2021 của UBND tỉnh)

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Số sổ bảo hiểm	Thời gian ngừng việc		Số tiền hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên hoặc chuyển vào tài khoản của người lao động	Số CMND/thẻ căn cước công dân
					Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm			
I. Hỗ trợ người lao động ngừng việc									
1	Nguyễn Hoàng Long	Hành chính	Không xác định thời hạn	7514006169	30/05/2021	06/08/2021	1.000.000		079069013091
2	Lưu Vũ Thùy Trinh	Kế Toán Tài Chính	Xác định thời hạn 12 tháng	7916202142	12/07/2021	05/08/2021	1.000.000		272403329
3	Phạm Văn Hội	Sản xuất	Không xác định thời hạn	7508186903	12/07/2021	08/09/2021	1.000.000		272697750
4	Phan Thị Lan	Nhân Sự	Không xác định thời hạn	0205245091	16/07/2021	15/09/2021	1.000.000		272971493
5	Nguyễn Văn Bắc	Premix	Không xác định thời hạn	7516033322	14/07/2021	03/08/2021	1.000.000		272080601
6	Quách Thanh Long	Sản xuất	Không xác định thời hạn	4707008813	17/07/2021	11/09/2021	1.000.000		271279389
7	Lê Văn Phụng	Sản xuất	Không xác định thời hạn	7513072872	17/07/2021	11/09/2021	1.000.000		271893387
II. Tổng cộng							7.000.000		

Tổng số tiền hỗ trợ: 7.000.000 đồng
(Bảy triệu đồng chẵn)

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Sơn Hùng

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỒ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC DO ĐẠI DỊCH COVID-19 CỦA CÔNG TY HỮU HẠN ĐIỆN CƠ LỰC NHÂN

(Đính kèm theo Quyết định số 2392 /QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2021 của UBND tỉnh)

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Số sổ bảo hiểm	Thời gian ngừng việc		Số tiền hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên hoặc chuyển vào tài khoản của người lao động	Số CMND/thẻ căn cước công dân
					Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm			
I. Hỗ trợ người lao động ngừng việc									
1	NGUYỄN VĂN BÌNH	DẬP	Không xác định thời hạn	7509022338	17/07/2021	31/07/2021	1.000.000		272776145
2	PHẠM THỊ TÍN	Lắp ráp	Không xác định thời hạn	4704009790	17/07/2021	31/07/2021	1.000.000		272820600
3	NGUYỄN THỊ HOÀI	Lắp ráp	Không xác định thời hạn	4705004384	17/07/2021	31/07/2021	1.000.000		271748683
4	NGUYỄN THỊ TUYẾN	Lắp ráp	Không xác định thời hạn	4702019169	17/07/2021	31/07/2021	1.000.000		272619279
5	NGUYỄN THỊ HOÀN	Lắp ráp	Không xác định thời hạn	4705004385	17/07/2021	31/07/2021	1.000.000		271754288
6	HOÀNG THỊ TUYẾT	Lắp ráp	Không xác định thời hạn	4702006651	17/07/2021	31/07/2021	1.000.000		271274793
7	CAO THỊ NHUNG	Lắp ráp	Không xác định thời hạn	4704047390	17/07/2021	31/07/2021	1.000.000		276042649
8	PHẠM THỊ TUYẾT	Lắp ráp	Không xác định thời hạn	4705004389	17/07/2021	31/07/2021	1.000.000		036178010073
9	NGUYỄN XUÂN QUỲNH	CƠ ĐIỆN	Không xác định thời hạn	4704058963	17/07/2021	31/07/2021	1.000.000		036183018019
10	PHAN THỊ DUY DIỆP	Nhân sự	Không xác định thời hạn	4705015406	17/07/2021	31/07/2021	1.000.000		271515730
11	LÊ THỊ TOÀN	Lắp ráp	Không xác định thời hạn	4705075700	17/07/2021	31/07/2021	1.000.000		272778866
12	PHẠM THỊ KHUYẾN	DẬP	Không xác định thời hạn	4705075674	17/07/2021	31/07/2021	1.000.000		272957300

13	NGUYỄN THỊ NGUYỆT	Lắp ráp	Không xác định thời hạn	4705075684	17/07/2021	31/07/2021	1.000.000	272851613
14	PHẠM THỊ HẬU	Lắp ráp	Không xác định thời hạn	4706089086	17/07/2021	31/07/2021	1.000.000	272681317
15	PHẠM THỊ HẢI	Lắp ráp	Không xác định thời hạn	4707045990	17/07/2021	31/07/2021	1.000.000	172840717
16	ĐOÀN THỊ DIỆP	DẬP	Không xác định thời hạn	4707102232	17/07/2021	31/07/2021	1.000.000	125340711
17	LÊ THỊ LOAN	Lắp ráp	Không xác định thời hạn	4707140079	17/07/2021	31/07/2021	1.000.000	172618480
18	CAO THỊ HIỀN	Lắp ráp	Không xác định thời hạn	4707140077	17/07/2021	31/07/2021	1.000.000	272789197
19	NGUYỄN THỊ CHI	Thành hình	Không xác định thời hạn	7508016612	17/07/2021	31/07/2021	1.000.000	272432322
20	CAO THỊ HƯƠNG	Thành hình	Không xác định thời hạn	7508090183	17/07/2021	31/07/2021	1.000.000	261043077
21	CAO THỊ TƯ	Lắp ráp	Không xác định thời hạn	7508198362	17/07/2021	31/07/2021	1.000.000	276073595
22	PHẠM THỊ THANH	Lắp ráp	Không xác định thời hạn	7508205000	17/07/2021	31/07/2021	1.000.000	272720278
23	NGUYỄN THỊ THU	Thành hình	Không xác định thời hạn	4707048210	17/07/2021	31/07/2021	1.000.000	271685283
24	LÊ THỊ THANH NGA	Tổng vụ	Không xác định thời hạn	4707024148	17/07/2021	31/07/2021	1.000.000	272599015
25	MAI XUÂN HOÀNG	Khuôn	Không xác định thời hạn	4707069974	17/07/2021	31/07/2021	1.000.000	271581164
26	NÔNG THỊ HƯỜNG	Lắp ráp	Không xác định thời hạn	7508198603	17/07/2021	31/07/2021	1.000.000	121922828
27	HOÀNG THỊ HUỖN	Thành hình	Không xác định thời hạn	7508198605	17/07/2021	31/07/2021	1.000.000	186961556
28	LÊ XUÂN TUYẾN	Khuôn	Không xác định thời hạn	7509097992	17/07/2021	31/07/2021	1.000.000	040077024542
29	VÕ THỊ PHI	Lắp ráp	Không xác định thời hạn	4705039762	17/07/2021	31/07/2021	1.000.000	276043045
30	NGÔ THỊ HOÀI THANH	Lắp ráp	Không xác định thời hạn	7509113724	17/07/2021	31/07/2021	1.000.000	183663965
31	PHẠM THỊ HƯƠNG	Khuôn	Không xác định thời hạn	7509113725	17/07/2021	31/07/2021	1.000.000	187030431
32	ĐẶNG THỊ ĐÔNG	Khuôn	Không xác định thời hạn	7509113726	17/07/2021	31/07/2021	1.000.000	272838616

33	LÊ THỊ THẨM	Thành hình	Không xác định thời hạn	7509113727	17/07/2021	31/07/2021	1.000.000		285809765
34	TRẦN THỊ HOA	Lắp ráp	Không xác định thời hạn	7510038899	17/07/2021	31/07/2021	1.000.000		272913834
35	TRẦN THỊ THU HÀ	Lắp ráp	Không xác định thời hạn	7510076388	17/07/2021	31/07/2021	1.000.000		187028078
36	NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC	Lắp ráp	Không xác định thời hạn	7510076395	17/07/2021	31/07/2021	1.000.000		352052258
37	PHẠM THỊ HÀ	Lắp ráp	Không xác định thời hạn	4706072039	17/07/2021	31/07/2021	1.000.000		272739514
38	LÊ THỊ XUÂN TRANG	Lắp ráp	Không xác định thời hạn	7510123689	17/07/2021	31/07/2021	1.000.000		272365488
39	MẠNH THỊ HÒA	Thành hình	Không xác định thời hạn	7909121520	17/07/2021	31/07/2021	1.000.000		186286294
40	NGUYỄN THỊ NHÌ	Dập	Không xác định thời hạn	7510138384	17/07/2021	31/07/2021	1.000.000		276073510
41	VŨ VĂN THẮNG	Khuôn	Không xác định thời hạn	4703000762	17/07/2021	31/07/2021	1.000.000		271809389
42	HỒ MINH CHÂU	Khuôn	Không xác định thời hạn	4703000755	17/07/2021	31/07/2021	1.000.000		271545096
43	ĐÀO HỮU DUYỆT	Khuôn	Không xác định thời hạn	4703040233	17/07/2021	31/07/2021	1.000.000		271517359
44	NGUYỄN MINH QUÂN	Khuôn	Không xác định thời hạn	4703040314	17/07/2021	31/07/2021	1.000.000		271419672
45	PHẠM MINH SANG	Khuôn	Không xác định thời hạn	4703000796	17/07/2021	31/07/2021	1.000.000		271427491
46	NGUYỄN THỊ HIỀN	Lắp ráp	Không xác định thời hạn	4706113720	17/07/2021	31/07/2021	1.000.000		272779388
47	PHẠM VĂN HẠNH	Dập	Không xác định thời hạn	7509100410	17/07/2021	31/07/2021	1.000.000		276019961
48	NGUYỄN THỊ LONG	Dập	Không xác định thời hạn	7510158191	17/07/2021	31/07/2021	1.000.000		272291233
49	HỒ MINH ĐỨC	CƠ ĐIỆN	Không xác định thời hạn	7508138287	17/07/2021	31/07/2021	1.000.000		186131703
50	HỒ THỊ THUY	Thành hình	Không xác định thời hạn	7511120395	17/07/2021	31/07/2021	1.000.000		197219243
51	TRỊNH THỊ NỤ	Lắp ráp	Không xác định thời hạn	7511120396	17/07/2021	31/07/2021	1.000.000		271620178
52	PHẠM THỊ THẨM	Lắp ráp	Không xác định thời hạn	7511112185	17/07/2021	31/07/2021	1.000.000		186881225

53	NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH	Lắp ráp	Không xác định thời hạn	7511112186	17/07/2021	31/07/2021	1.000.000		250865107
54	NGUYỄN ĐỨC ĐĂNG	Khuôn	Không xác định thời hạn	7512005451	17/07/2021	31/07/2021	1.000.000		036090013926
55	TRẦN THỊ QUÝ HẬU	DẬP	Không xác định thời hạn	7512023435	17/07/2021	31/07/2021	1.000.000		261200608
56	TRỊNH THỊ HÀ	Lắp ráp	Không xác định thời hạn	4706034005	17/07/2021	31/07/2021	1.000.000		173200879
57	NGUYỄN THỊ THẢO	Thành hình	Không xác định thời hạn	7509091109	17/07/2021	31/07/2021	1.000.000		174828858
58	PHẠM ĐÌNH CHÍNH	Thành hình	Không xác định thời hạn	7508227302	17/07/2021	31/07/2021	1.000.000		272821400
59	TRẦN DUY KHOA	Khuôn	Không xác định thời hạn	4703000775	17/07/2021	31/07/2021	1.000.000		271466970
60	NGUYỄN THỊ HỒNG ĐÀO	Lắp ráp	Không xác định thời hạn	7513009980	17/07/2021	31/07/2021	1.000.000		341470855
61	NGUYỄN THỊ THU	Lắp ráp	Không xác định thời hạn	4704009783	17/07/2021	31/07/2021	1.000.000		272581020
62	TRƯƠNG QUỐC KHÁNH	Khuôn	Không xác định thời hạn	7508150390	17/07/2021	31/07/2021	1.000.000		271646719
63	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	Thành hình	Không xác định thời hạn	7513058908	17/07/2021	31/07/2021	1.000.000		271978214
64	TRẦN THỊ HƯƠNG	Thành hình	Không xác định thời hạn	7513068032	17/07/2021	31/07/2021	1.000.000		285296613
65	LÊ THÀNH ĐẠT	Khuôn	Không xác định thời hạn	7513068033	17/07/2021	31/07/2021	1.000.000		272028163
66	HỒ THỊ SINH	Kinh doanh	Không xác định thời hạn	7514062714	17/07/2021	31/07/2021	1.000.000		273511272
67	TRẦN THỊ BÍCH TIỀN	Nhân sự	Không xác định thời hạn	4706047398	17/07/2021	31/07/2021	1.000.000		271482264
68	NGUYỄN THỊ THU HÀ	Tạp vụ	Không xác định thời hạn	7508101491	17/07/2021	31/07/2021	1.000.000		341475008
69	PHAN THANH THẢO	DẬP	Không xác định thời hạn	7509052111	17/07/2021	31/07/2021	1.000.000		271901233
70	ĐÌNH VĂN KHOA	CƠ ĐIỆN	Không xác định thời hạn	7513153870	17/07/2021	31/07/2021	1.000.000		271929072
71	NGUYỄN QUANG MINH	Lắp ráp	Xác định thời hạn 3 năm	7524911659	17/07/2021	31/07/2021	1.000.000		271922365
72	TRẦN THỊ THÂN	QC	Xác định thời hạn 3 năm	7514068294	17/07/2021	31/07/2021	1.000.000		272103486



73	NGUYỄN THỊ THU THẢO	Kế toán	Xác định thời hạn 3 năm	4704026036	18/07/2021	31/07/2021	1.000.000		271241750
74	HUYỀN THỊ CẨM GIANG	XNK	Xác định thời hạn 3 năm	7512181611	17/07/2021	31/07/2021	1.000.000		052190001330
75	LÊ VĂN DŨNG	QLSX	Xác định thời hạn 3 năm	4706089080	17/07/2021	31/07/2021	1.000.000		271325122
76	ĐOÀN THỊ THÚY PHƯỢNG	Nhân sự	Xác định thời hạn 3 năm	7511049804	17/07/2021	31/07/2021	1.000.000		271910881
77	PHẠM THỊ HẰNG	Thu Mua	Xác định thời hạn 3 năm	4018410462	17/07/2021	31/07/2021	1.000.000		187266058
78	ĐỖ THỊ ÁI VI	Giám đốc	Xác định thời hạn 3 năm	4705003529	17/07/2021	31/07/2021	1.000.000		271742970
79	HỒ XUÂN HẠNH	Kế toán	Xác định thời hạn 3 năm	4701011268	18/07/2021	31/07/2021	1.000.000		272662817
80	VŨ THẾ TRINH	Khuôn	Không xác định thời hạn	4704037744	17/07/2021	31/07/2021	1.000.000		272393621
81	ĐẶNG ĐÌNH NAM	Khuôn	Không xác định thời hạn	4703040220	17/07/2021	31/07/2021	1.000.000		271963299
82	NGUYỄN ĐỒNG LUYỆN	Thành hình	Không xác định thời hạn	4704009778	04/08/2021	19/08/2021	1.000.000		272581019
83	LÊ THỊ THANH	Thành hình	Không xác định thời hạn	7509097997	19/07/2021	03/08/2021	1.000.000		272963722
84	ĐOÀN PHI HẢI	CƠ ĐIỆN	Xác định thời hạn 3 năm	7515064868	26/07/2021	10/08/2021	1.000.000		272276293

II. Hỗ trợ người lao động đang mang thai

TT	Họ và tên	Số tiền hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên hoặc chuyển vào tài khoản của người lao động	Số CMND/thẻ căn cước công dân
1	LÊ THỊ THANH NGÀ	1.000.000		272599015
2	MẠNH THỊ HÒA	1.000.000		186286294

III. Hỗ trợ người lao động đang nuôi con đẻ dưới 06 tuổi								
TT	Họ và tên	Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ tên vợ hoặc chồng	Số CMT/thẻ căn cước công dân của vợ hoặc chồng	Số tiền hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên hoặc chuyển vào tài khoản của người lao động	Số CMND/thẻ căn cước công dân
1	Phạm Thị Thắm	Đặng Hoàng Nguyễn Khang	29/09/2017	Đặng Văn Lĩnh	272947968	1.000.000		186881225
2	Lê Thị Xuân Trang	Nguyễn Lê Thu Giang	01/10/2015	Nguyễn Văn Thái	271412167	1.000.000		272365488
3	Ngô Thị Hoài Thanh	Hồ Trung Hiếu	05/08/2017	Hồ Ngọc Anh	183799459	1.000.000		183663965
4	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Lê Minh Nhật	15/04/2016	Lê Công Lĩnh	271929146	1.000.000		352052258
5	Trịnh Thị Hà	Trịnh Bảo Ngọc	05/03/2020			1.000.000		173200879
6	Phạm Thị Hải	Nguyễn Duy Khang	20/11/2016	Nguyễn Duy Toàn	272957899	1.000.000		172840717
7	Trịnh Thị Nụ	Nguyễn Đình Nhật Minh	09/04/2016	Nguyễn Văn Hiệu	272929013	1.000.000		271620178
8	Trần Thị Thu Hà	Nguyễn Trần Tuệ Nhi	06/10/2020	Nguyễn Đức Đảng	036090013926	1.000.000		187028078
		Nguyễn Trần Gia Bảo	08/09/2018			1.000.000		
9	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	Nguyễn Ngọc Thùy Dương	30/10/2016	Nguyễn Văn Toán	221201595	1.000.000		250865107
10	Nguyễn Thị Nguyệt	Nguyễn Anh Thư	10/06/2016	Nguyễn Duy Đoàn	025076012546	1.000.000		272851613
		Nguyễn Đức Hiếu	05/09/2018			1.000.000		
11	Hoàng Thị Huyền	Hồ Quốc Việt	25/01/2019	Hồ Văn Sơn	186699822	1.000.000		186961556
		Hồ Hoàng Tú Anh	27/11/2015			1.000.000		
12	Lê Thị Thắm	Nguyễn Tuấn Kiệt	05/03/2020	Nguyễn Thăng Long	285131288	1.000.000		285809765
13	Nguyễn Thị Thu	Trương Gia Huy	26/04/2017	Trương Văn Hoạt	082218734	1.000.000		271685283
14	Nguyễn Thị Chi	Đậu Nguyễn Hoài An	27/02/2020	Đậu Xuân Nguyên	271557947	1.000.000		272432322
15	Hồ Thị Thủy	Phạm Hoàng Phúc	04/12/2016	Phạm Đức Thiện	271808796	1.000.000		197219243
		Phạm Diệu An	23/05/2019			1.000.000		
16	Trần Thị Hương	Mai Trần Phúc Khang	13/07/2018	Mai Xuân Hoàng	271581064	1.000.000		285296613
		Mai Trần Nhật Minh	28/02/2017			1.000.000		
17	Mạnh Thị Hòa	Nguyễn An Nhiên	07/06/2019	Nguyễn Văn Khôi	186691775	1.000.000		186286294
18	Phạm Minh Sang	Phạm Nhật Bảo Khôi	23/03/2018	Phan Thị Hồng Đào	271427898	1.000.000		271427491
19	Trần Thị Bích Tiên	Nguyễn Ngọc An Nhiên	10/05/2019	Nguyễn Trung Kiên	271581455	1.000.000		271482264
20	Đoàn Thị Thủy Phương	Phan Minh Nhật	15/07/2016	Phan Văn Tới	271847848	1.000.000		271910881

21	Huỳnh Thị Cẩm Giang	Nguyễn Ngọc Ngân Khánh	20/06/2019	Nguyễn Bá Anh Phong	272017020	1.000.000		052190001330
		Nguyễn Huỳnh Khánh An	24/02/2018			1.000.000		
22	Phan Thị Duyệt Diệp	Bùi Thanh Khôi	17/03/2019	Bùi Thiên Ân	212121269	1.000.000		271515730
23	Lê Văn Dũng	Lê Bảo An	28/03/2017	Lê Thị Tuyết	271662158	1.000.000		271325122
24	Nguyễn Thị Long	Phạm Ngọc Phương Uyên	28/10/2018	Phạm Cao Nguyên	272977066	1.000.000		272291233
		Phạm Nguyễn Thiên Phước	05/03/2016			1.000.000		
25	Nguyễn Thị Nhi	Hồ Minh Anh	07/06/2020	Hồ Minh Đức	186131703	1.000.000		276073510
26	Trần Thị Quý Hậu	Đặng Kim Ngân	16/02/2017	Đặng Công Diên	271433603	1.000.000		261200608
27	Lê Thành Đạt	Lê Thảo Nhi	19/12/2018	Trần Thị Thu Thảo	272686259	1.000.000		272028163
28	Đào Hữu Duyệt	Đào Hoàng Nguyễn	30/10/2015	Hoàng Thị Thu Hằng	271951851	1.000.000		271517359
29	Nguyễn Minh Quân	Nguyễn Minh Nhật	01/06/2019	Đỗ Thụy Lê Hằng	271826223	1.000.000		271419672
		Nguyễn Minh Ân	12/05/2021			1.000.000		
30	Đỗ Thị Ái Vi	Mai Tuấn Anh	05/04/2018	Mai Lê Hoàng	272679515	1.000.000		271742970
31	Lê Thị Thanh Nga	Phạm Lê Bảo Khang	07/08/2016	Phạm Văn Toàn		1.000.000		272599015
32	Đặng Đình Nam	Đặng Huyền My	20/10/2017	Nguyễn Thị Thuý Nga	272848664	1.000.000		271963299
33	Nguyễn Tiến Đạt	Nguyễn Tiến Nhật	12/01/2018	Lê Thị Thanh Tuyền	271977571	1.000.000		271978214
34	Đinh Văn Khoa	Đinh Hoàng Trường	05/01/2019	Đào Nguyễn Diễm Kiều	272307410	1.000.000		271929072
			12/03/2021			1.000.000		
35	Nguyễn Quang Minh	Nguyễn Minh Khang	07/08/2019	Nguyễn Thị Bảo Trang	272053149	1.000.000		271922365
		Nguyễn Ngọc Bảo Hân	06/07/2017			1.000.000		
36	Lê Thị Thanh	Nguyễn Ngọc Lan	01/09/2019	Nguyễn Anh Minh Dương	271922594	1.000.000		272963722
IV. Tổng cộng						132.000.000		

Tổng số tiền hỗ trợ: 132.000.000 đồng
(Một trăm ba mươi hai triệu đồng chẵn)



TM.ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Sơn Hùng

DANH SÁCH HỒ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC DO ĐẠI DỊCH COVID-19 CỦA
CÔNG TY TNHH HIRATA PRECISION INDUSTRIAL VIỆT NAM

(Đính kèm theo Quyết định số 3392/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2021 của UBND tỉnh)

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Số sổ bảo hiểm	Thời gian ngừng việc		Số tiền hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên hoặc chuyển vào tài khoản của người lao động	Số CMND/thẻ căn cước công dân
I. Hỗ trợ người lao động ngừng việc									
1	Lê Thị Hợp	Nhân sự	Xác định thời hạn 12 tháng	7914176377	11/7/2021	15/9/2021	1.000.000		250859983
II. Hỗ trợ người lao động đang nuôi con đẻ dưới 06 tuổi									
TT	Họ và tên	Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ tên vợ hoặc chồng	Số CMT/thẻ căn cước công dân của vợ hoặc chồng	Số tiền hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên hoặc chuyển vào tài khoản của người lao động	Số CMND/thẻ căn cước công dân	
1	Lê Thị Hợp	Nguyễn Thanh Trúc	26/04/2016	Nguyễn Thanh Tú	272257993	1.000.000		250859983	
III. Tổng cộng						2.000.000			

Tổng số tiền hỗ trợ: 2.000.000 đồng
(Hai triệu đồng chẵn)

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Sơn Hùng

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỒ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC DO ĐẠI DỊCH COVID-19 CỦA CÔNG TY TNHH DONGYANG VINA SPECIAL METAL

(Đính kèm theo Quyết định số 3392/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2021 của UBND tỉnh)

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Số sổ bảo hiểm	Thời gian ngừng việc		Số tiền hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên hoặc chuyển vào tài khoản của người lao động	Số CMND/thẻ căn cước công dân
					Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm			
I. Hỗ trợ người lao động ngừng việc									
1	Phạm Đình Giang	QC	HDLĐ thời hạn 3 năm	7511049160	17/07/2021	15/09/2021	1.000.000		152037442
2	Trần Văn Hùng	Mộc mẫu	HDLĐ thời hạn 3 năm	4707024583	16/07/2021	15/09/2021	1.000.000		272219434
3	Nguyễn Văn Hoàng	Nấu luyện	HDLĐ thời hạn 3 năm	6721288049	16/07/2021	15/09/2021	1.000.000		245276789
4	Trương Công Đăng	Công vụ	HDLĐ thời hạn 3 năm	7512080796	15/07/2021	15/09/2021	1.000.000		221322530
5	Nguyễn Thị Bình	Cơ khí	HDLĐ thời hạn 3 năm	4706079175	16/07/2021	15/09/2021	1.000.000		272695903
6	Đinh Thị Sản	Cơ khí	HDLĐ thời hạn 1 năm	9105128298	16/07/2021	15/09/2021	1.000.000		276115822
7	Nguyễn Xuân Giang	Cơ khí	HDLĐ thời hạn 1 năm	6720954355	16/07/2021	15/09/2021	1.000.000		245330157
8	Hứa Văn Thảo	Cắt máy	HDLĐ thời hạn 1 năm	5820221972	16/07/2021	15/09/2021	1.000.000		264480013
9	Nguyễn Văn Tây	Cắt máy	HDLĐ thời hạn 1 năm	6020228471	16/07/2021	15/09/2021	1.000.000		261535807

10	Cao Ngọc Hải	Cát máy	HĐLĐ thời hạn 3 năm	9123148541	16/07/2021	15/09/2021	1.000.000		371407688
11	Bùi Văn Sáng	Cát máy	HĐLĐ thời hạn 3 năm	4217083420	16/07/2021	15/09/2021	1.000.000		183546116
12	Đỗ Văn Thành	Cát máy	HĐLĐ thời hạn 1 năm	8925378244	16/07/2021	15/09/2021	1.000.000		352524511
13	Hoàng Văn Tỉnh	Cát máy	HĐLĐ thời hạn 1 năm	4707146053	19/07/2021	15/09/2021	1.000.000		271569468
14	Nguyễn Như Thế	QC	HĐLĐ thời hạn 1 năm	7516069408	31/07/2021	15/09/2021	1.000.000		272588182
15	Nguyễn Đình Tý	QC	HĐLĐ thời hạn 1 năm	7516216766	30/07/2021	15/09/2021	1.000.000		272582260
16	Vũ Đức Tín	Gang cầu	HĐLĐ thời hạn 3 năm	7524635355	22/07/2021	15/09/2021	1.000.000		272658481
17	Lương Văn Ai	Mài thô	HĐLĐ thời hạn 3 năm	4016551694	19/07/2021	15/09/2021	1.000.000		187515690
18	Nguyễn Hùng Cường	Mài thô	HĐLĐ thời hạn 3 năm	9321790023	31/07/2021	15/09/2021	1.000.000		363610349
19	Quảng Đại Quý	Gang xám	HĐLĐ thời hạn 1 năm	5820452990	31/07/2021	15/09/2021	1.000.000		264462604
20	Cao Văn Chuyển	Cát hữu cơ	HĐLĐ thời hạn 3 năm	7514016836	31/07/2021	15/09/2021	1.000.000		385376815
21	Nguyễn Văn Danh	Cát máy	HĐLĐ thời hạn 3 năm	6721317122	30/07/2021	15/09/2021	1.000.000		245101554
22	Quảng Châu Văn Khanh	Cát máy	HĐLĐ thời hạn 3 năm	5820568473	30/07/2021	15/09/2021	1.000.000		264525121
23	Mang Thế Lâm	Cát máy	HĐLĐ thời hạn 3 năm	7410027703	31/07/2021	15/09/2021	1.000.000		264255161
24	Phan Văn Tuấn	Cát máy	HĐLĐ thời hạn 3 năm	6721287069	30/07/2021	15/09/2021	1.000.000		245381873
25	Tài Đại Mạnh Hùng	Cát máy	HĐLĐ thời hạn 3 năm	5820907295	31/07/2021	15/09/2021	1.000.000		264321262
26	Nguyễn Đức Hùng	Cát máy	HĐLĐ thời hạn 3 năm	7516083266	31/07/2021	15/09/2021	1.000.000		183954724

27	Hồ Đức Hưng	Cát máy	HDLĐ thời hạn 3 năm	4705047298	28/07/2021	15/09/2021	1.000.000		271340952
28	Lê Thanh Hào	Cát máy	HDLĐ thời hạn 3 năm	8924187437	30/07/2021	15/09/2021	1.000.000		352245912
29	Trần Nguyễn Bảo Sơn	Kế hoạch	HDLĐ thời hạn 3 năm	7516076620	14/08/2021	15/09/2021	1.000.000		272090121
30	Lê Văn Minh Lệ	Gang xám	HDLĐ thời hạn 1 năm	4217330403	13/08/2021	15/09/2021	1.000.000		184230119
31	Hồ Minh Trí	Gang xám	HDLĐ thời hạn 1 năm	5820252931	13/08/2021	15/09/2021	1.000.000		264466935
32	Nguyễn Huy Mai	Cát máy	HDLĐ thời hạn 3 năm	7516073282	13/08/2021	15/09/2021	1.000.000		183543248
33	Nguyễn Quang Trung	Cát máy	HDLĐ thời hạn 3 năm	7513025839	13/08/2021	15/09/2021	1.000.000		272264501
34	Trần Đình Đức	Nấu luyện	HDLĐ thời hạn 3 năm	3821651413	13/08/2021	15/09/2021	1.000.000		173624974
35	Lâm Văn Ghi	Cát máy	HDLĐ thời hạn 3 năm	7915212424	28/07/2021	15/09/2021	1.000.000		370989422
36	Trần Văn Thuận	Gang cầu	HDLĐ thời hạn 1 năm	7513168642	16/07/2021	15/09/2021	1.000.000		351593506
37	Nguyễn Thành Linh	Cát hữu cơ	HDLĐ thời hạn 3 năm	5621741941	16/07/2021	15/09/2021	1.000.000		225065920
38	Tài Văn Nhỏ	Cát máy	HDLĐ thời hạn 1 năm	5820849561	16/07/2021	15/09/2021	1.000.000		264426845
39	Đỗ Văn Đại	Cát máy	HDLĐ thời hạn 1 năm	4017114310	16/07/2021	15/09/2021	1.000.000		186003044
40	Thành Phương Huỳnh	Cát máy	HDLĐ thời hạn 1 năm	5820924925	31/07/2021	15/09/2021	1.000.000		264522215
41	Nông Hoàng Việt	Tạp vụ	HDLĐ thời hạn 3 năm	7524463088	13/08/2021	15/09/2021	1.000.000		271424624
42	Lê Văn Hưng	Bảo trì	HDLĐ thời hạn 1 năm	3823389135	13/08/2021	15/09/2021	1.000.000		174658619

II. Hỗ trợ người lao động đang nuôi con để dưới 06 tuổi								
TT	Họ và tên	Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ tên vợ hoặc chồng	Số CMT/thẻ căn cước công dân của vợ hoặc chồng	Số tiền hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên hoặc chuyển vào tài khoản của người lao động	Số CMND/thẻ căn cước công dân
1	Phạm Đình Giang	Phạm Nhật Chi	30/11/2019	Dương Lưu Phương Thảo		1.000.000		152037442
2	Nguyễn Đình Tý	Nguyễn Thị Phương Thảo	20/01/2019	Phạm Thị Lệ Hằng	272816265	1.000.000		272582260
3	2 Lâm Văn Ghi	Lâm Thiên Phúc	04/04/2016	Trần Thị Út Tím	371327519	1.000.000		370989422
		Lâm Bảo Thy	20/03/2017			1.000.000		
III. Tổng cộng						46.000.000		

Tổng số tiền hỗ trợ: 46.000.000 đồng
(Bốn mươi sáu triệu đồng chẵn)

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Sơn Hùng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

DANH SÁCH HỒ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC DO ĐẠI DỊCH COVID-19 CỦA CÔNG TY TNHH POONG YOUNG VINA

(Đính kèm theo Quyết định số 2392 /QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2021 của UBND tỉnh)

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Số sổ bảo hiểm	Thời gian ngừng việc		Số tiền hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên hoặc chuyển vào tài khoản của người lao động	Số CMND/thẻ căn cước công dân
					Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm			
I. Hỗ trợ người lao động ngừng việc									
1	Nguyễn Thị Linh	Kế toán	Không xác định thời hạn	7512030585	01/08/2021	1/9/2021	1.000.000	700007314601 Ngân hàng Shinhan - CN Biên Hòa	276051883
2	Nguyễn Thị Mỹ Thư	Phiên dịch	Xác định thời hạn	7515121882	11/07/2021	1/9/2021	1.000.000	700005235385 Ngân hàng Shinhan - CN Biên Hòa	271966182
3	Nguyễn Thị Hồng Uyên	Kinh doanh	Không xác định thời hạn	7910034474	17/08/2021	1/9/2021	1.000.000	700006222864 Ngân hàng Shinhan - CN Biên Hòa	280927102
4	Lê Nguyễn Ánh Phương	Kho	Không xác định thời hạn	7512185429	17/08/2021	1/9/2021	1.000.000	700014355940 Ngân hàng Shinhan - CN Biên Hòa	272103563
5	Thu Lý Ngân	Thu mua	Xác định thời hạn	7514163288	17/08/2021	1/9/2021	1.000.000	700016486035 Ngân hàng Shinhan - CN Biên Hòa	272039298
6	Lê Công Lý	Tài xế	Xác định thời hạn	7516113472	04/07/2021	1/9/2021	1.000.000	700006833706 Ngân hàng Shinhan - CN Biên Hòa	290837554
7	Hoàng Hữu Hành	Thợ hàn	Không xác định thời hạn	7911092891	01/08/2021	1/9/2021	1.000.000	700006329656 Ngân hàng Shinhan - CN Biên Hòa	272946864
8	Phạm Hùng Cường	Sửa khuôn	Xác định thời hạn	7508196732	17/08/2021	1/9/2021	1.000.000	700014084670 Ngân hàng Shinhan - CN Biên Hòa	272004219
9	Bùi Thị Thúy Kiều	QC	Không xác định thời hạn	7509015151	17/08/2021	1/9/2021	1.000.000	700006648127 Ngân hàng Shinhan - CN Biên Hòa	271562914
10	Hồ Thị Thu Hiền	QC	Không xác định thời hạn	0203213121	17/08/2021	1/9/2021	1.000.000	700009208080Ngân hàng Shinhan - CN Biên Hòa	285679322
11	Bùi Thị Oanh	QC	Xác định thời hạn	4024393598	22/07/2021	1/9/2021	1.000.000	700016403185 Ngân hàng Shinhan - CN Biên Hòa	187873802

12	Hoàng Thị Minh Châm	QC	Xác định thời hạn	7515069687	17/08/2021	1/9/2021	1.000.000	700013995988 Ngân hàng Shinhan - CN Biên Hòa	061046978
13	Nguyễn Phúc Đăng	QC	Xác định thời hạn	8925363838	13/07/2021	1/9/2021	1.000.000	700016403192 Ngân hàng Shinhan - CN Biên Hòa	351568256
14	Quách Trung Kiên	QC	Xác định thời hạn	9121884911	13/07/2021	1/9/2021	1.000.000	700019140864 Ngân hàng Shinhan - CN Biên Hòa	372076165
15	Nguyễn Huy Thanh	QC	Xác định thời hạn	7915296028	13/07/2021	1/9/2021	1.000.000	700019692065 Ngân hàng Shinhan - CN Biên Hòa	312167894
16	Phạm Tiến Duy	Đúc	Không xác định thời hạn	7508134319	17/07/2021	1/9/2021	1.000.000	700006477200 Ngân hàng Shinhan - CN Biên Hòa	271681988
17	Bùi Văn Chung	Đúc	Không xác định thời hạn	7516113602	17/07/2021	1/9/2021	1.000.000	700006989841 Ngân hàng Shinhan - CN Biên Hòa	113097139
18	Lê Văn Út	Đúc	Không xác định thời hạn	7516202000	17/07/2021	1/9/2021	1.000.000	700008423848 Ngân hàng Shinhan - CN Biên Hòa	221185870
19	Bùi Văn Thuận	Đúc	Không xác định thời hạn	1720573378	17/07/2021	1/9/2021	1.000.000	700010968929 Ngân hàng Shinhan - CN Biên Hòa	113359090
20	Phạm Văn Sơn	Đúc	Không xác định thời hạn	7516201892	17/07/2021	1/9/2021	1.000.000	700010968943 Ngân hàng Shinhan - CN Biên Hòa	271365613
21	Tô Văn Diệp	Đúc	Không xác định thời hạn	9621539608	19/07/2021	1/9/2021	1.000.000	700011666766 Ngân hàng Shinhan - CN Biên Hòa	381947751
22	Võ Văn Chí Linh	Đúc	Xác định thời hạn	8721900032	17/07/2021	1/9/2021	1.000.000	700014832240 Ngân hàng Shinhan - CN Biên Hòa	341383657
23	Huỳnh Văn Trung	Đúc	Xác định thời hạn	7515010776	17/07/2021	1/9/2021	1.000.000	700015789129 Ngân hàng Shinhan - CN Biên Hòa	352047550
24	Mai Văn Phước	Đúc	Xác định thời hạn	6423320924	19/07/2021	1/9/2021	1.000.000	700016403228 Ngân hàng Shinhan - CN Biên Hòa	230526272
25	Trịnh Văn Tuấn	Đúc	Xác định thời hạn	3822847989	17/07/2021	1/9/2021	1.000.000	700016403274 Ngân hàng Shinhan - CN Biên Hòa	173326281
26	Vũ Đức Thuật	Đúc	Xác định thời hạn	9102049882	17/07/2021	1/9/2021	1.000.000	700015530112 Ngân hàng Shinhan - CN Biên Hòa	172364119
27	Phan Văn Tí	Đúc	Xác định thời hạn	7526853001	17/07/2021	1/9/2021	1.000.000	700018806904 Ngân hàng Shinhan - CN Biên Hòa	342001753
28	Nguyễn Văn Thuận	Đúc	Xác định thời hạn	7526839356	17/07/2021	1/9/2021	1.000.000	700018806910 Ngân hàng Shinhan - CN Biên Hòa	342044325
29	Nguyễn Văn Dũng	Đúc	Xác định thời hạn	7509130172	17/07/2021	1/9/2021	1.000.000	700019140622 Ngân hàng Shinhan - CN Biên Hòa	38085017106
30	Hồ Văn Tuấn	Đúc	Xác định thời hạn	9621862559	17/07/2021	1/9/2021	1.000.000	700019140608 Ngân hàng Shinhan - CN Biên Hòa	381380509
31	Nguyễn Hồng Hòa	Đúc	Xác định thời hạn	7523220209	19/07/2021	1/9/2021	1.000.000	700019140825 Ngân hàng Shinhan - CN Biên Hòa	182298491

32	Thái Bá Dương	Đúc	Xác định thời hạn	9123449763	17/07/2021	1/9/2021	1.000.000	700019140914 Ngân hàng Shinhan - CN Biên Hòa	371639078
33	Phạm Văn Hiệp	Đúc	Xác định thời hạn	6721051950	02/08/2021	1/9/2021	1.000.000	700019140920 Ngân hàng Shinhan - CN Biên Hòa	245108223
34	Trần Văn Cường	Đúc	Xác định thời hạn	8922676269	19/07/2021	1/9/2021	1.000.000	700019444930 Ngân hàng Shinhan - CN Biên Hòa	352426481
35	Thạch Rich Thủy	Đúc	Xác định thời hạn	7514029300	02/08/2021	1/9/2021	1.000.000	700019910083 Ngân hàng Shinhan - CN Biên Hòa	334483861
36	Nguyễn Văn Hồ	CNC	Xác định thời hạn	7509140515	23/07/2021	1/9/2021	1.000.000	700018806886 Ngân hàng Shinhan - CN Biên Hòa	381521059
37	Nguyễn Hoàng Lam	CNC	Xác định thời hạn	7516046683	17/07/2021	1/9/2021	1.000.000	700019691814 Ngân hàng Shinhan - CN Biên Hòa	381715665
38	Mai Nguyễn Minh Mão	CNC	Xác định thời hạn	7524870837	30/07/2021	1/9/2021	1.000.000	700019075111 Ngân hàng Shinhan - CN Biên Hòa	272581485
39	Sư Quốc Việt	CNC	Xác định thời hạn	7916256256	02/08/2021	1/9/2021	1.000.000	700020068663 Ngân hàng Shinhan - CN Biên Hòa	385726290
40	Bùi Thị Quyên	GIA CÔNG	Không xác định thời hạn	7516113603	17/07/2021	1/9/2021	1.000.000	700006987864 Ngân hàng Shinhan - CN Biên Hòa	113227190
41	Phạm Thị Oanh	GIA CÔNG	Xác định thời hạn	4707189559	17/07/2021	1/9/2021	1.000.000	700009876770 Ngân hàng Shinhan - CN Biên Hòa	271657011
42	Bùi Thị Kiên	GIA CÔNG	Xác định thời hạn	1720674439	17/07/2021	1/9/2021	1.000.000	700011213043 Ngân hàng Shinhan - CN Biên Hòa	113367805
43	Phạm Thanh Tâm	GIA CÔNG	Xác định thời hạn	5621547705	19/07/2021	1/9/2021	1.000.000	700014621299 Ngân hàng Shinhan - CN Biên Hòa	225207499
44	Nông Thị Lôi	GIA CÔNG	Xác định thời hạn	7511082273	17/07/2021	1/9/2021	1.000.000	700014861209 Ngân hàng Shinhan - CN Biên Hòa	187911733
45	Phan Văn Thắng	GIA CÔNG	Xác định thời hạn	4216317443	16/08/2021	1/9/2021	1.000.000	700015584124 Ngân hàng Shinhan - CN Biên Hòa	184399678
46	Phan Văn Hùng	GIA CÔNG	Xác định thời hạn	4216131391	16/08/2021	1/9/2021	1.000.000	700017468595 Ngân hàng Shinhan - CN Biên Hòa	184236768
47	Nguyễn Văn Lý	GIA CÔNG	Xác định thời hạn	9521406954	01/08/2021	1/9/2021	1.000.000	700019445022 Ngân hàng Shinhan - CN Biên Hòa	385571615
48	Lê Thanh Ngân	GIA CÔNG	Xác định thời hạn	9422129669	18/08/2021	1/9/2021	1.000.000	700019692033 Ngân hàng Shinhan - CN Biên Hòa	365547908
49	Nguyễn Văn Trường	GIA CÔNG	Xác định thời hạn	3520539829	17/08/2021	1/9/2021	1.000.000	700019692130 Ngân hàng Shinhan - CN Biên Hòa	168616224
50	Nguyễn Hữu Sơn	GIA CÔNG	Xác định thời hạn	4018335851	16/08/2021	1/9/2021	1.000.000	700019692122 Ngân hàng Shinhan - CN Biên Hòa	187964032
51	Phạm Thị Minh Trang	GIA CÔNG	Xác định thời hạn	7513178160	17/08/2021	1/9/2021	1.000.000	700019910069 Ngân hàng Shinhan - CN Biên Hòa	271488029

52	Huỳnh Tú	GIAO HÀNG	Xác định thời hạn	7516114724	17/08/2021	1/9/2021	1.000.000	70008014495 Ngân hàng Shinhan - CN Biên Hòa	215358145
53	Võ Hùng Phương	GIAO HÀNG	Xác định thời hạn	7930691909	17/08/2021	1/9/2021	1.000.000	700019692108 Ngân hàng Shinhan - CN Biên Hòa	91090000281
II. Hỗ trợ người lao động đang nuôi con để dưới 06 tuổi									
TT	Họ và tên	Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi		Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ tên vợ hoặc chồng	Số CMT/thẻ căn cước công dân của vợ hoặc chồng	Số tiền hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên hoặc chuyển vào tài khoản của người lao động	Số CMND/thẻ căn cước công dân
1	Nguyễn Thị Linh	Trịnh Gia Bảo		01/01/2016	Trịnh Văn Hùng	272783885	1.000.000	700007314601 Ngân hàng Shinhan - CN Biên Hòa	276051883
		Trịnh Gia Hưng		22/7/2020			1.000.000		
2	Nguyễn Thị Mỹ Thu	Nguyễn Đăng Khoa		05/3/2020	Nguyễn Quốc Hưng	271971159	1.000.000	700005235385 Ngân hàng Shinhan - CN Biên Hòa	271966182
		Nguyễn Hoàng Nhật Duy		18/7/2018			1.000.000		
3	Nguyễn Thị Hồng Uyên	Lee Chi Anh		15/4/2017	Lee Young Woon	M93893704	1.000.000	700006222864 Ngân hàng Shinhan - CN Biên Hòa	280927102
		Lee Trung Anh		09/8/2019			1.000.000		
4	Lê Nguyễn Ánh Phương	Trần Hoàng Vy Ngân		06/10/2020	Trần Thiện Phú	272103563	1.000.000	700014355940 Ngân hàng Shinhan - CN Biên Hòa	272103563
		Trần Hoàng Mỹ Kim		23/02/2016			1.000.000		
5	Hồ Thị Thu Hiền	Lê Vĩnh Khánh		12/4/2019	Lê Văn Sơn	172164897	1.000.000	700009208080 Ngân hàng Shinhan - CN Biên Hòa	285679322
6	Bùi Thị Oanh	Nguyễn Văn Nghĩa		22/4/2017	Nguyễn Văn Tấn	385590629	1.000.000	700016403185 Ngân hàng Shinhan - CN Biên Hòa	187873802
7	Hoàng Thị Minh Châm	Ngôn Tuấn Kiệt		22/9/2017	Ngôn Văn Điền	060997795	1.000.000	700013995988 Ngân hàng Shinhan - CN Biên Hòa	61046978
8	Thái Bá Dương	Thái Thảo Nguyên		12/10/2019	Đậu Thị Thu	186870972	1.000.000	700019140914 Ngân hàng Shinhan - CN Biên Hòa	371639078
9	Huỳnh Văn Trung	Huỳnh Thị Ngân Khánh		29/9/2016	Nguyễn Thị Mỹ	371640793	1.000.000	700015789129 Ngân hàng Shinhan - CN Biên Hòa	352047550
10	Phạm Thanh Tâm	Phạm Thanh Thiện		02/02/2021	Nguyễn Thị Phương Dung	245151622	1.000.000	700014621299 Ngân hàng Shinhan - CN Biên Hòa	225207499

11	Thạch Rịch Thây	Thạch Thị Tha Ly	23/3/2020	Son Thị Chánh	334667619	1.000.000	700019910083 Ngân hàng Shinhan - CN Biên Hòa	334483861
		Thạch Rịch Thây	31/10/2016			1.000.000		
12	Nguyễn Văn Trường	Nguyễn Khánh Vân	22/02/2021	Thị Cha	371976729	1.000.000	700019692130 Ngân hàng Shinhan - CN Biên Hòa	168616224
13	Trịnh Văn Tuấn	Trịnh Văn Gia Bảo	15/5/2018	Trần Thị Luyện	172624187	1.000.000	700016403274 Ngân hàng Shinhan - CN Biên Hòa	173326281
		Trịnh Thị Phương Ly	11/7/2016			1.000.000		
14	Nông Thị Lôi	Trịnh Thị Đan Ní	25/12/2017	Trịnh Xuân Lệ	186384822	1.000.000	700014861209 Ngân hàng Shinhan - CN Biên Hòa	187911733
		Trịnh Xuân Sáng	19/9/2020			1.000.000		
15	Bùi Thị Quyên	Bùi Thị Thảo Ly	19/12/2019	Bùi Văn Chung	113097139	1.000.000	700006987864 Ngân hàng Shinhan - CN Biên Hòa	113227190
16	Sử Quốc Việt	Sử Phúc Tài	17/7/2021	Huỳnh Thị Huyền Trân	385782573	1.000.000	700020068663 Ngân hàng Shinhan - CN Biên Hòa	385726290
17	Võ Văn Chí Linh	Võ Văn Duy Khánh	03/8/2015	Đặng Thị Toàn	341713041	1.000.000	700014832240 Ngân hàng Shinhan - CN Biên Hòa	341383657
18	Nguyễn Văn Hiệp	Phạm Thị Như Quỳnh	28/9/2015	Nguyễn Thị Ngân	245286807	1.000.000	700019140920 Ngân hàng Shinhan - CN Biên Hòa	245108223
19	Trần Văn Cường	Trần Gia Hân	29/11/2018	Tạ Diễm Kiều	381758203	1.000.000	700019444930 Ngân hàng Shinhan - CN Biên Hòa	352426481
20	Lê Văn Út	Lê Võ Trâm Anh	18/9/2019	Võ Thị Thu Thảo	221276740	1.000.000	700008423848 Ngân hàng Shinhan - CN Biên Hòa	221185870
III. Tổng cộng						80.000.000		

Tổng số tiền hỗ trợ: 80.000.000 đồng
(Tám mươi triệu đồng chẵn)

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH


Nguyễn Sơn Hùng